

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt)	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)	Management of Environmental and Natural Resources
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Mã ngành đào tạo	8850101
5. Đối tượng tuyển sinh	- Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành đăng kí dự thi. - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần và khác với ngành đăng ký dự thi, đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức theo quy định.
6. Thời gian đào tạo	2 năm
7. Loại hình đào tạo	Chính quy
8. Số tín chỉ yêu cầu	61
9. Thang điểm	10 sau đó quy đổi thành thang điểm 4
10. Điều kiện tốt nghiệp	Thực hiện theo Quyết định số 325/2014/QĐ-ĐHAG ngày 01/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.
11. Văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ
12. Vị trí việc làm	- Công tác tại các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ quan phân tích, quan trắc tài nguyên môi trường, các cơ quan thẩm định dự án và hợp tác đầu tư trong vai trò nghiên cứu, giảng dạy hoặc xây dựng và thực hiện đánh giá các vấn đề môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên để

	<p>phát triển bền vững kinh tế xã hội của cả nước hay của vùng.</p> <p>- Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, các ban quản lý dự án, vườn quốc gia, khu bảo tồn... với khả năng xây dựng, quản trị các dự án phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường tài nguyên các cấp hoặc địa phương về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...</p> <p>- Phụ trách quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động sản xuất tại các công ty, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp...</p>
13. Khả năng nâng cao trình độ	Có đủ kiến thức và kỹ năng để tiếp tục học bậc tiến sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường tại các trường đại học trong và ngoài nước.

B. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu chung

Đào tạo học viên trình độ thạc sĩ có đủ năng lực chuyên môn, cơ sở lý luận nghiên cứu khoa học và khả năng nghiên cứu độc lập trong quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên (TNTN), bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

II. Mục tiêu cụ thể

- Quản lý và khai thác các nguồn TNTN tái tạo và không tái tạo.
- Quản lý lưu vực sông, các hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học.
- Quản lý chất lượng môi trường đất, nước và không khí; và quản lý chất thải.

C. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP	
				Bắt buộc	Tự chọn
Học kỳ I: 21 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 6 TC)					
1	PHI702	Triết học	4	4	
2	ENV701	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
3	ENV702	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường	2	2	
4	ENG704	Anh văn chuyên ngành	2	2	
5	ENV703	Cơ sở sinh học bảo tồn	2	2	
6	ENV704	Cấu trúc và chức năng các hệ sinh thái đặc trưng ở ĐBSCL	2	2	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP	
				Bắt buộc	Tự chọn
7	ENV705	Điều tra, thiết lập hệ thống giám sát đa dạng sinh học	1	1	
8	TIE701	Ứng dụng thống kê trong quản lý tài nguyên và MT	2		2
9	TIE702	Chỉ thị sinh học môi trường	2		
10	TIE703	Sinh thái định lượng	2		
11	TIE704	Kỹ thuật quan trắc TNTN	2		
12	TIE705	Xã hội học môi trường	2		2
13	TIE706	Chính sách và chiến lược tài nguyên môi trường	2		
14	TIE707	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2		
15	TIE708	Đa dạng sinh học tài nguyên thủy sinh vật	2		2
16	TIE709	Đa dạng sinh học tài nguyên sinh vật trên cạn	2		
Học kỳ II: 15 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 6 TC)					
1	TIE710	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý TN và MT	2	2	
2	ENV706	Tham quan thực địa và báo cáo chuyên đề bảo tồn và tài nguyên	1	1	
3	ENV707	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	2	2	
4	ENV708	Quản lý chất lượng môi trường (Quản lý môi trường theo ISO)	2	2	
5	ENV709	Đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai	2	2	
6	TIE711	Kỹ thuật bảo tồn và cứu hộ động vật hoang dã	2		2
7	TIE712	Quản lý khu bảo tồn và vườn quốc gia	2		
8	TIE713	Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn	2		
9	TIE714	Quản lý dịch vụ hệ sinh thái đặc trưng ở ĐBSCL	2		2
10	TIE715	Đánh giá rủi ro sinh thái	2		
11	TIE716	Ứng dụng công nghệ nano trong xử lý môi trường	2		2
12	TIE717	Công nghệ kiểm soát ô nhiễm nước	2		
13	TIE718	Công nghệ xử lý và quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2		
Học kỳ III: 10 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 6 TC)					
1	ENV710	Xây dựng và quản lý dự án bảo tồn tài nguyên	2	2	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP	
				Bắt buộc	Tự chọn
2	ENV711	Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ biển (TN biển)	2	2	
3	ENV712	Quản lý tài nguyên rừng	2		2
4	ENV713	Quy hoạch và quản lý nguồn lợi thủy sản	2		
5	ENV714	Quản lý tài nguyên khoáng sản	2		
6	ENV715	Sản xuất sạch hơn	2		
7	TIE719	Mô hình hóa trong quản lý tài nguyên và môi trường	2		2
8	TIE720	Ứng dụng kỹ thuật sinh thái trong phục hồi tài nguyên và môi trường	2		
9	ENV716	Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng	2		
10	ENV717	Phân tích hệ thống môi trường	2		
11	ENV718	Quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản	2		2
12	ENV719	Biến đổi khí hậu và khả năng thích ứng	2		
13	ENV720	Năng lượng và môi trường	2		
14	ENV721	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	2		
Học kỳ IV: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)					
1	ENV722	Luận văn tốt nghiệp	15	15	
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 61 TC (Bắt buộc: 43 TC; Tự chọn: 18 TC)					

TP. QLKH & ĐTSDH
(Đã ký)
TS. Nguyễn Trần Thiện Khánh